TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **01/2024**/HNGĐ-ST
Ngày **05/01/2024**
Về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T , TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Chiến**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Nguyễn Thị Kim Khoe**

2. Bà **Phạm Thị Lệ Hoa**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Nguyễn Thị Kim Chi** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân*** huyện T , tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông **Trần Công Đỉnh** - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 251/2023/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2023 về việc: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 76/2023/QĐST-HNGĐ ngày 18/12/2023 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 03/2023/QĐST-HNGĐ ngày 29/12/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Hồng A** - sinh năm 1987 (có mặt)

Địa chỉ: số 354, khu phố Đ , thị trấn T , huyện T , tỉnh Kiên Giang.

Chổ ở: ấp T , xã T , huyện C , tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Vương Quốc Đ** - sinh năm 1980

Địa chỉ: khu phố Đ , thị trấn T , huyện T , tỉnh Kiên Giang.

Chổ ở: số 354, khu phố Đ , thị trấn T , huyện T , tỉnh Kiên Giang.

(vắng mặt lần 2 không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị Hồng A trình bày:**

Chị Trần Thị Hồng A và anh Nguyễn Vương Quốc Đ tự quen nhau khoảng 4 năm sau đó chung sống với nhau năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T , huyện V , thành phố Cần Thơ ngày 29/10/2009.

Lý do xin ly hôn: Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chị Hồng A cho rằng do vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, có lối sống không phù hợp, vợ chồng có lời qua tiếng lại, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt, nay chị Hồng A thấy tình cảm vợ chồng không còn, chung sống với nhau không hạnh phúc, nên vợ chồng đã ly thân với nhau từ năm 2018 cho đến nay. Năm 2022 chị Hồng A có quen biết và chung sống với anh Phan Hoàng L, sinh năm 1987, không có đăng ký kết hôn và hiện có thai được 05 tháng (con của anh Hoàng L).

- Về con chung: quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung:

1. Nguyễn Phương V - sinh ngày 01/01/2011

2. Nguyễn Phương U - sinh ngày 13/12/2012

3. Nguyễn Phương N - sinh ngày 01/5/2015. Hiện cả 3 cháu đang sống chung với chị Hồng A.

Tại phiên tòa chị Hồng A yêu cầu:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Hồng A yêu cầu được ly hôn với anh Đ .

- *Về con chung:* Chị Hồng A yêu cầu được nuôi ba người con, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tòa án có triệu tập anh Nguyễn Vương Quốc Đ để hòa giải hôn nhân và gia đình, nhưng anh Nguyễn Vương Quốc Đ vắng mặt, nên Tòa án đưa vụ kiện ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt mặc dù đã được Tòa án cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng hợp lệ.

* Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Hồng A.

- *Về quan hệ con chung:* Đề nghị giao các cháu Nguyễn Phương V, sinh ngày 01/01/2011, Nguyễn Phương U , sinh ngày 13/12/2012 và Nguyễn Phương N, sinh ngày 01/5/2015 cho chị Trần Thị Hồng A trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, là phù hợp với quy định pháp luật.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, không yêu cầu giải quyết, nên miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã giao quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy báo phiên tòa, quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng anh Đ vắng mặt. Tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý xét xử vắng mặt bị đơn nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xử vắng mặt anh Nguyễn Vương Quốc Đ .

Xét thấy, anh Đ chưa có ý kiến xác nhận theo đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Hồng A tại Tòa án. Tuy nhiên, Tòa án đã tống đạt đầy đủ và hợp lệ các thủ tục theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự như: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng anh Đ vẫn không đến Tòa án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét mối quan hệ hôn nhân giữa chị Hồng A và anh Đ chung sống với nhau được UBND xã T , huyện V , thành phố Cần Thơ cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 128, ngày 29/10/2009, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin được ly hôn của chị Hồng A là có cơ sở chấp nhận. Bởi vì, vợ chồng anh chị chung sống với nhau đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Chị Hồng A cho rằng do vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, có lối sống không phù hợp, vợ chồng có lời qua tiếng lại, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt.

Tại phiên tòa, chị Hồng A thể hiện rõ quan điểm muốn ly hôn, không muốn đoàn tụ. Mặt khác, chị Hồng A và anh Đ hai bên đã ly thân với nhau từ năm 2018 cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Hồng A và anh Đ đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân

không đạt được, trong phần nghị án Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hồng A được ly hôn với anh Đ .

[3] Về quan hệ con chung: Chị Hồng A và anh Đ chung sống có 03 người con tên Nguyễn Phương V, sinh ngày 01/01/2011; Nguyễn Phương U , sinh ngày 13/12/2012 và Nguyễn Phương N, sinh ngày 01/5/2015, hiện các cháu đang sống với chị Hồng A.

Xét thấy, các cháu Phương V, Phương U và Phương N hiện đang sống với chị Hồng A, và nguyện vọng của cháu Phương V, Phương U và Phương N là muốn ở với chị Hồng A, các cháu được chị Hồng A nuôi dưỡng, đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của các cháu. Hội đồng xét xử thống nhất giao cho chị Hồng A tiếp tục nuôi con là phù hợp, chị Hồng A có khả năng nuôi con nên không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

Tại phiên tòa, chị Hồng A trình bày năm 2022 chị có chung sống với anh Phan Hoàng L, sinh năm 1987 và hiện có thai với anh L được 05 tháng. Do phát sinh tình tiết mới tại phiên toà, Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên toà và tiến hành làm việc với anh Nguyễn Vương Quốc Đ tại trụ sở UBND thị trấn T , huyện T , anh Đ trình bày: anh Đ và chị Hồng A chung sống với nhau năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện V , thành phố Cần Thơ. Quá trình chung sống với chị Hồng A có 03 người con tên: Nguyễn Phương V, sinh ngày 01/01/2022; Nguyễn Phương U , sinh ngày 13/12/2012 và Nguyễn Phương N, sinh ngày 01/5/2015, 03 người con đang sống với chị Hồng A; anh chị không có tài sản chung, nợ chung.

Anh Đ xác nhận từ năm 2018 cho đến nay anh và chị Hồng A không còn chung sống với nhau, việc chị Hồng A có thai với ai thì anh Đ không biết và cũng không có ý kiến gì.

Anh Đ cho rằng do anh có đạo Công giáo nên anh không muốn đến Toà án giải quyết việc ly hôn, còn việc chị Hồng A muốn ly hôn thì do Toà án xem xét. (BL 50, 51).

[4] Về tài sản, nữ trang chung và nợ chung: Chị Hồng A xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị Hồng A phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Hồng A được ly hôn với anh Nguyễn Vương Quốc Đ .

2. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Trần Thị Hồng A tiếp tục nuôi ba người con tên Nguyễn Phương V, sinh ngày 01/01/2011; Nguyễn Phương U , sinh ngày 13/12/2012 và Nguyễn Phương N, sinh ngày 01/5/2015. Chị Trần Thị Hồng A không yêu cầu anh Nguyễn Vương Quốc Đ cấp dưỡng nuôi con.

Chị Trần Thị Hồng A cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Nguyễn Vương Quốc Đ tới lui, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

3. Về quan hệ tài sản, nữ trang chung và nợ chung: Chị Hồng A xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị Trần Thị Hồng A phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000488 ngày 29/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T , tỉnh Kiên Giang.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với anh Nguyễn Vương Quốc Đ vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện T ;
- Chi cục THADS huyện T ;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Chiến